Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 18.07.2019 11:06:41 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 250 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 18 tháng 7 năm 2019*

BÁO CÁO
Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 06 tháng đầu năm 2019

Thực hiện quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 81 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 06 tháng đầu năm 2019 như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1.1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật

Trên cơ sở quy định tại Điều 17 Luật XLVPHC về trách nhiệm của UBND tỉnh trong công tác THPL về XLVPHC, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 11/01/2019 về công tác quản lý thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, các sở, ban, ngành tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác quản lý XLVPHC theo quy định tại kế hoạch này.

UBND các huyện, thành phố căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh cũng đã xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện công tác THPL về XLVPHC ở địa phương mình quản lý. Qua tổng hợp có 09/09 UBND huyện, thành phố có ban hành kế hoạch riêng và tổ chức việc triển khai thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

1.2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Việc ban hành các văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền nhằm hoàn thiện pháp luật về XLVPHC luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai THPL về XLVPHC. Tuy nhiên trong 06 đầu năm 2019, UBND tỉnh không ban hành văn bản QPPL lĩnh vực XLVPHC mà chủ yếu tổ chức triển khai thực hiện các văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương ban hành.

1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ trong việc triển khai thi hành và áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính

a) Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được UBND tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo. UBND tỉnh đã giao Sở Tư pháp, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục. Nội dung tuyên truyền, phổ biến là các văn bản QPPL về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan. Đối tượng tuyên truyền là cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2019 các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Cụ thể:

- Tổ chức tuyên truyền truyền được hơn **285** cuộc với **11.371** lượt người tham dự, cấp phát văn bản, tờ rơi về xử lý vi phạm hành chính hơn **7.179** tài liệu cho cán bộ công chức và người dân trên địa bàn huyện, tuyên truyền trên sóng phát thanh khoảng **144,9** giờ về nội dung Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ, các Thông tư, Nghị định có liên quan đến công tác nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính trên nhiều lĩnh vực như: vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác…

+ Đăng tải các bài viết tuyên truyền pháp luật về XLVPHC, các nghị định xử phạt trên các trang mạng xã hội facebook, zalo được **410** lượt.

+ Bóc gỡ, xóa trên 636 băng rôn, giấy quảng cáo cho vay tiền trên các trụ điện, hàng rào,… tại các tuyến đường, khu vực chợ, siêu thị trên địa bàn huyện.

+ Phát phiếu và cho làm cam kết thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ pháo và các loại đồ chơi nguy hiểm bị cấm cho hơn 1.471 hộ dân; tuyên truyền thủ đoạn, phương thức trộm cắp tài sản cho 63 cơ sở kinh doanh có điều kiện, 25 cơ sở kinh doanh vàng, bạc, đá quý và 10 ngân hàng trên địa bàn huyện; tổ chức Hội thi "Tìm hiểu về phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội năm 2019" có hơn 150 đoàn viên, học sinh trên địa bàn huyện tham dự.

Ngoài ra, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã thường xuyên thực hiện tốt công tác tuyên truyền phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tuyên truyền tác hại của ma túy, bảo đảm an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, tuyên truyền về an toàn thực phẩm, dịch tả heo Châu Phi…

b) Công tác bồi dưỡng, tập huấn

UBND tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì mời báo cáo viên Bộ Tư pháp về tập huấn nghiệp vụ công tác quản lý XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật cho hơn 340 người là cán bộ Lãnh đạo, công chức là cán bộ đầu mối làm công tác theo dõi thi hành pháp luật của các sở, ban, ngành tỉnh; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Phòng Tư pháp, Công an các huyện, thành phố và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Công chức Tư pháp-hộ tịch và Công an các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Nội dung tập huấn liên quan đến nghiệp vụ công tác quản lý XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật. Thông qua đó đã triển khai Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp Quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra tính pháp lý của

hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Thông tư số 19/2015/TT-BTP (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 09/2017/TT-BTP).

1.4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Theo kế hoạch năm 2019 Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm (Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 15/5/2019) và tiến hành kiểm tra tại 03 Sở: Y tế; Công thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 03 huyện: Châu Thành; Trảng Bàng; Tân Châu (sẽ có báo cáo riêng), qua kết quả kiểm tra.

- Tại các sở, ban ngành: đã ban hành kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra được 20 cuộc đối với các lĩnh vực chuyên ngành có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính các đơn vị trực thuộc, và thường xuyên tổ chức tự rà soát, kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính và công tác nghiệp vụ.

- Tại UBND các huyện, thành phố: đã tổ chức được 110 cuộc thanh tra, kiểm tra trong các lĩnh vực như: kiểm tra về công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm, cơ sở nấu rượu, dịch vụ ăn uống với khoảng 958 đơn vị, cơ sở. Giám sát việc ban hành và tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 đơn vị cấp xã.

II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

2.1. Tình hình vi phạm hành chính

Qua theo dõi, công tác xử lý vi phạm hành chính đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo các cơ quan, ban ngành và địa phương. Công tác phối hợp liên ngành dần được quan tâm thực hiện và bước đầu có kết quả tốt, cụ thể như phối hợp kiểm tra liên ngành. Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành đa số đều đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định. Nội dung các quyết định phù hợp với quy định pháp luật, ít bị khiếu nại.

Tuy nhiên, tình hình vi phạm hành chính vẫn còn diễn biến phức tạp chủ yếu ở lĩnh vực như: trật tự an toàn giao thông đường bộ, hành vi đánh bạc, trật tự an toàn xã hội, ma túy, đất đai, vệ sinh an toàn thực phẩm, lĩnh vực thương mại… Nguyên nhân chính của tình hình vi phạm: Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao, một số người dân hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đa số là thanh niên thiếu ý thức, trách nhiệm với bản thân và gia đình, có lối sống đua đòi bất chấp pháp luật.

Đối với một số hành vi vi phạm pháp luật về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan có một số vụ liên quan đến gian lận thuế, buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, vi phạm về sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Đối tượng vi phạm phần lớn là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các hành khách xuất, nhập cảnh, cư dân biên giới.

2.2. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

a) Tổng số vụ việc vi phạm: 5.956 vụ (giảm so với cùng kỳ năm 2018 là 1.332 vụ).

b) Số đối tượng bị xử phạt: 7.183 đối tượng (giảm so với cùng kỳ năm 2018 là 1.267 đối tượng).

c) Tình hình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

- Số quyết định xử phạt đã ban hành: 7.400

- Thi hành xong: 6.289

- Chưa thi hành: 1.111 vụ (nguyên nhân của việc chưa chấp hành các quyết định hành chính chủ yếu do các đối tượng không có nơi cư trú ổn định, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp, không có khả năng nộp phạt).

d) Tổng số tiền phạt thu được: 12.670.628.270đ

đ) Tổng số tiền thu từ bán tang vật, phương tiện vi phạm và số tiền tịch thu sung quỹ nhà nước: 1.131.758.371đ

e) Số vụ khởi tố và chuyển xử lý hình sự: 03 vụ (gồm 02 vụ khởi tố chuyển cơ quan công an; 01 vụ chuyển cơ quan công an khởi tố).

g) Số vụ không xử phạt: 01 vụ (do không có chế tài xử phạt).

h) Tồn 06 vụ đang xác minh xử lý.

k) Số vụ chuyển xử lý bằng hình thức khác: 14 vụ.

2.3. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

a) Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các BPXLHC là 537 hồ sơ (so với cùng kỳ năm 2018 tăng 182 hồ sơ).

b) Tổng số đối tượng bị áp dụng các BPXLHC là 537 đối tượng (so cùng kỳ năm 2018 tăng 156 đối tượng). Trong đó:

- Số lượng người đã thành niên là 530 đối tượng.

- Số lượng người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình là 07 (năm 2018 không có).

c) Tình hình tổ chức thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính:

- Chấp hành xong: 34

- Đang chấp hành: 459

- Chưa chấp hành: 44

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ[8]

3.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định pháp luật

3.1.1 Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Điều 42 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 19 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016) có quy định thẩm quyền tịch thu tang vật vi phạm bị giới hạn theo thẩm quyền phạt tiền, cụ thể: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị không vượt quá mức phạt tiền 25 triệu đồng đối với cá nhân và 50 triệu đồng đối với tổ chức; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh có quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị không vượt quá mức tiền phạt 50 triệu đồng đối với cá nhân và 100 triệu đồng đối với tổ chức. Tuy nhiên trong thực tế phát sinh rất nhiều vụ việc vi phạm hành chính thuộc trường hợp đơn giản mà tang vật vi phạm có giá trị trên 25 triệu đồng vượt thẩm quyền của cấp Chi cục nên phải thường xuyên chuyển hồ sơ lên cấp Cục xử lý; một số vụ việc vượt thẩm quyền của cấp Cục phải chuyển hồ sơ lên Chủ tịch UBND tỉnh xử lý.

- Chưa có hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính đối với trường hợp không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, hiện tại áp dụng theo quy định chung của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ thì không đảm bảo yếu tố khẩn cấp theo quyết định khẩn cấp của Tòa án.

- Chưa có hướng dẫn cụ thể về việc thu tiền phạt do vi phạm hành chính vào loại biên lai thu tiền nào. Số tiền thu được từ việc phạt hành chính trong hoạt động thi hành án, thủ tục xử phạt hành chính, mẫu biên bản vi phạm hành chính, thời gian thực hiện và nơi nộp phạt.

- Về tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền tạm giữ phải ban hành quyết định tạm giữ theo mẫu Quyết định 19 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP của Chính phủ phải lập biên bản, ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng của tang vật, phương tiện bị tạm giữ, phải có chữ ký của người ra quyết định tạm giữ, giao cho người vi phạm một bản. Như vậy, theo quy định trên thì khi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì người ra quyết định phải có mặt tại hiện trường, phải có con dấu của cơ quan kèm theo… Quy định này đã gây rất nhiều khó khăn trong quá trình tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho các Đoàn kiểm tra, người thi hành công tác kiểm tra vì những người có thẩm quyền tạm giữ như Chủ tịch UBND huyện, xã thì không thể có mặt thường xuyên tại nơi xảy ra vi phạm để ký quyết định, biên bản.

- Thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị tài sản quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (thời hạn tạm giữ tối đa không quá 24 giờ kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp cần thiết có thể gia hạn nhưng không quá 24 giờ) chưa phù hợp với thực tế, đặc biệt đối với tang vật do tổ chức, cá nhân tự chế, hàng hóa nhập lậu... Vì trong các trường hợp này, Hội đồng định giá rất khó xác định giá

và thường phải thuê đơn vị tư vấn để xác định giá thì cần nhiều thời gian hơn luật quy định.

- Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thời hạn gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành trong vòng 02 ngày; tuy nhiên việc thực hiện quy định này trong xử phạt vi phạm hành chính ở lĩnh vực giao thông rất khó khăn vì khối lượng quyết định xử phạt nhiều, khó xác định địa chỉ vì có một số trường hợp người vi phạm không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên không có mặt ở địa phương, có nhiều trường hợp địa chỉ ghi trong giấy tờ khác với địa chỉ nơi cư trú thực tế... cần nhiều thời gian hơn luật quy định.

Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Giám đốc Công an tỉnh có thẩm quyền phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 50.000.000 đồng; theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Luật xử xử lý vi phạm hành chính thì Giám đốc Công an tỉnh có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị đến 50.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong thời gian qua có nhiều vụ việc có mức xử phạt thấp, nhưng giá trị tang vật tịch thu quá cao vượt thẩm quyền của Giám đốc Công an tỉnh nên phải chuyển Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử phạt. Việc này đã mất nhiều thời gian và chưa đồng bộ về thẩm quyền giữa 02 chức danh Giám đốc Công an tỉnh và Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh.

3.1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính nhưng không quy định cụ thể cách thức cưỡng chế thi hành buộc đối tượng vi phạm hành chính phải nộp phạt theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Trong quá trình thanh, kiểm tra và ra quyết định xử phạt hành chính, doanh nghiệp cố tình trốn tránh, không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành, tuy nhiên lại chưa có quy định cụ thể cách thức cưỡng chế thi hành buộc đối tượng vi phạm hành chính phải nộp phạt tiền theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với các trường hợp nghiện ma túy đang trong quá trình thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ thì người nghiện bỏ địa phương hoặc không chấp hành các biện pháp thì vẫn chưa có văn bản quy định biện pháp chế tài hoặc xử lý cần thiết để đảm bảo việc áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định. Bên cạnh đó, thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại 03 văn bản trên không có sự thống nhất với nhau dẫn đến khó khăn cho các ngành chuyên môn trong việc lập hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và đề nghị xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:

+ Tại Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt

buộc; Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

+ Tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định "Khi phát hiện người sử dụng ma túy trái phép, Công an xã nơi người đó có hành vi vi phạm lập biên bản về hành vi sử dụng ma túy trái phép của người đó và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

+ Tại điều 4, Điều 8 Thông tư 05/2018/TT-BCA ngày 07/02/2018 của Bộ Công an: "Cơ quan Công an có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc" và thẩm quyền ký văn bản đề nghị kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ tại mẫu số 07 được ban hành kèm theo Thông tư 05/2018/TT-BCA là thủ trưởng cơ quan Công an.

- Loại hình kinh doanh trò chơi điện tử thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014, tuy nhiên lại không thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh phải đảm bảo điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trò chơi điện tử máy bắn cá về bản chất là loại hình vui chơi giải trí, điều kiện và hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử được quy định tại Nghị định 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ, được sửa đổi tại Nghị định 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; theo đó, không quy định cơ sở kinh doanh phải có Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh. Tuy nhiên, các cơ sở kinh doanh loại hình này đa số có địa điểm kinh doanh đặt trụ sở nơi có địa hình phức tạp, tập trung gần khu công nghiệp, quán giải khát nơi các đối tượng cờ bạc tụ tập; nhiều cơ sở kinh doanh không treo biển hiệu; đa số bị lợi dụng, biến tướng cờ bạc trá hình… nhưng thiếu chế tài xử lý, gây khó khăn cho công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

- Hành vi vi phạm hành chính *"Kinh doanh dịch vụ lữ hành mà không có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành*" được quy định tại điểm d Khoản 14 Điều 7 Nghị định số 45/2019/NĐ-CP ngày 21/5/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, tuy nhiên Nghị định này đến ngày 01/8/2019 mới có hiệu lực thi hành. Do đó, công tác xử lý vi phạm hành vi này tại thời điểm hiện tại gặp khó khăn.

- Tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 19/2015/TT-BTP và Khoản 2 Điều 12 Nghị định 221/2013/NĐ-CP quy định khác nhau về thời hạn kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Theo Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 19/2015/TT-BTP quy định kiểm tra tính pháp lý hồ sơ trong thời hạn 05 ngày, Khoản 2 Điều 12 Nghị định 221/2013/NĐ-CP quy định kiểm tra tính pháp lý hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- Việc giao cho gia đình hoặc tổ chức xã hội quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không thực hiện được trên thực tế. Điều này xuất phát từ việc quản lý số đối tượng này gặp nhiều khó khăn: gia đình hoặc các tổ chức xã hội không đủ khả năng và điều kiện để quản lý người nghiện ma túy.

- Đối với một số trường hợp pháp luật có quy định hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, nhưng không có văn bản quy định cách thức thực hiện cụ thể việc lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngay sau khi có biên bản vi phạm chính hay sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với hành vi đánh bạc trái phép quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 26 Nghị định 167/2013/NĐ-CP, nếu không tịch thu được tiền dùng để đánh bạc và tiền trên chiếu bạc thì có được xem là đánh bạc trái phép được thua bằng tiền hay không. Cần có văn bản quy định việc xác định tiền dùng để đánh bạc nhằm áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật và tiền đúng theo quy định của pháp luật.

- Chưa xử lý vi phạm hành chính được đối với các lĩnh vực như: loa kẹo kéo, san lấp mặt bằng, hủy hoại đất, không có giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm, giấy khám sức khỏe đối với người trực tiếp sản xuất, kinh doanh ....

3.2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

3.2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

3.2.1.1. Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

Các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị... là những yếu tố quan trọng trong việc triển khai nhiệm vụ đạt hiệu quả. Tuy nhiên, về cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu trang thiết bị để phục vụ công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nguồn kinh phí thực hiện cho việc kểm tra, xét nghiệm chưa đáp ứng trong công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Ở địa phương, nhất là cấp xã, thị trấn không không có điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm về lĩnh vực môi trường, y tế.

- Cán bộ làm công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính là kiêm nhiệm phải đảm đương nhiều công việc chuyên môn khác do đó ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ thực thi nhiệm vụ này.

3.2.1.2. Tổ chức bộ máy, nhân sự

- *Đối với các Sở:* Công tác THPL về XLVPHC chủ yếu do bộ phận thanh tra, văn phòng Sở đảm nhiệm; cán bộ công chức làm công tác THPL về XLVPHC đa số là kiêm nhiệm nên việc tham mưu lãnh đạo các sở, ngành tỉnh về công tác THPL về XLVPHC còn lúng túng (theo Nghị định 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án "Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương" thì các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh sẽ được thành lập Phòng pháp chế hoặc bố trí cán bộ pháp chế. Nhưng hiện nay

toàn tỉnh chỉ có 01/14 sở ngành thành lập phòng pháp chế). Đối với đội ngũ làm công tác xử lý vi phạm hành chính tại các sở, ngành tỉnh cũng còn thiếu so với lượng công việc được giao. Cụ thể như:

+ Sở Tư pháp: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 23/2014/TT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh thì Phòng QLXLVPHC&TDTHPL thuộc Sở Tư pháp phải đảm bảo có Trưởng phòng, không quá 02 Phó trưởng phòng và các công chức khác. Tuy nhiên hiện nay, biên chế của Phòng QLXLVPHC&TDTHPL quá ít so với lượng công việc được giao (chỉ có 01 Trưởng phòng và chuyên viên biệt phái).

+ Tại Sở Kế hoạch và Đầu tư nhân sự phòng thanh tra Sở ít so với nhiệm vụ được giao ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ.

- *Đối với Phòng Tư pháp các huyện, thành phố*: Công tác THPL về XLVPHC tại các huyện, thành phố do Phòng tư pháp tham mưu UBND huyện, thành phố thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay khối lượng công việc được giao theo quy định của Phòng Tư pháp quá nhiều, số lượng biên chế quá ít nên công chức phòng Tư pháp phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nên công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gặp nhiều khó khăn, chưa được nghiên cứu sâu.

3.2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

- Công tác tuyên truyền pháp luật nhất là lĩnh vực chuyên ngành chưa thực hiện có hiệu quả; dẫn đến một số cơ sở ở vùng sâu, vùng xa kiến thức và nhận thức về vệ sinh an toàn thực phẩm còn hạn chế.

- Việc bồi dưỡng tập huấn kiến thức chưa được thường xuyên.

3.2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

Công tác phối hợp giữa các ngành, chức năng có liên quan có lúc chưa chặt chẽ và hiệu quả chưa cao. Đặc biệt là trong trường hợp phải phối hợp liên ngành để xử lý vi phạm hành chính, theo dõi, tổng hợp tình hình thi hành các quyết định xử phạt hành chính của các đối tượng vi phạm.

Hiện nay, vẫn còn một số đơn vị, địa phương chưa thật sự phối hợp, chủ động trong công tác báo cáo, thống kê, nội dung báo cáo chưa đảm bảo theo đề cương do đó dẫn đến việc tổng hợp báo cáo chung trên địa bàn tỉnh còn chậm so với yêu cầu.

3.2.4. Về việc báo cáo, thống kê

- Qua quá trình thực hiện Thông tư 16/2018/TT-BTP, có một số khó khăn, vướng mắc trong tổng hợp số liệu theo Phụ lục mẫu số 01, cụ thể:

+ Thông tin về số vụ vi phạm chưa có cột số vụ không xử phạt.

+ Thông tin về số đối tượng bị xử phạt chưa có cột vô chủ (trường hợp vô chủ không ra quyết định xử phạt nhưng không có cột thống kê nên dẫn đến việc không khớp số liệu với thông tin về số vụ vi phạm.

+ Tại phụ lục số 01 – mẫu số 02 chưa có hàng Tổng số liệu đã phân tích theo cột.

- Theo mẫu số B12a- THADS của Tổng cục quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính, tại Điều 1 quy định đối tượng bị xử phạt và số tiền phạt, nhưng không quy định về hành vi vi phạm của đối tượng bị xử phạt. Đồng thời, chưa có hướng dẫn thu tiền phạt do vi phạm hành chính vào loại biên lai thu tiền nào và cũng chưa có hướng dẫn về việc xử lý tiền thu được từ việc phạt hành chính trong hoạt động thi hành án, thủ tục xử phạt hành chính, mẫu biên bản vi phạm hành chính, thời gian thực hiện và nơi nộp phạt.

3.2.5. Về công tác kiểm tra, thanh tra

- Công chức được phân công phụ trách nhiệm vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã thị trấn là kiêm nhiệm, công việc nhiều nên đôi lúc tham mưu UBDN huyện, UBND các xã thị trấn việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn hạn chế, chưa kịp thời.

3.2.6. Những khó khăn, vướng mắc khác

a) Thời gian báo cáo

*** Về thời điểm lấy số liệu**

Theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp Quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (có hiệu lực 01/02/2019) thì "Thời gian lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 06 tháng và báo cáo định kỳ hàng năm *thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước*".

Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước (có hiệu lực ngày 12/3/2019) thì thời gian chốt số liệu đối với báo cáo *6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo; đối với báo cáo định kỳ hằng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP thì *thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo hàng năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31/12 hàng năm.*

Từ quy định trên cho thấy, thời gian chốt số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính định kỳ tại Thông tư số 16/2018/TT-BTP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP là không thống nhất.

Ngoài ra, khoản 3 Điều 32 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định "Các chế độ báo cáo do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ.".

Như vậy, trong trường hợp này địa phương vẫn áp dụng quy định về thời điểm lấy số liệu của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP hay áp dụng quy định về thời điểm lấy số liệu của Thông tư số 16/2018/TT-BTP.

- **Về thời gian gửi báo cáo**

Theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP thì thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo về Bộ Tư pháp chậm nhất là 7 ngày, kể từ ngày chốt số liệu.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 33 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP thì thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo về Bộ Tư pháp là trước 20 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước 20 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Như vậy, quy định về thời gian gửi báo cáo của Thông tư số 16/2018/TT-BTP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP là không thống nhất. Ngoài ra, quy định về thời gian gửi báo cáo của Thông tư số 16/2018/TT-BTP là quá ngắn, chưa phù hợp với thực tiễn. Bởi vì, để tổng hợp báo cáo, đánh giá số liệu xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh thì Sở Tư pháp (cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp) phải tổng hợp số liệu từ cơ sở. Với thời gian 07 ngày kể từ ngày chốt số liệu, các đơn vị không thể nào tổng hợp kịp số liệu để gửi về Sở Tư pháp tổng hợp.

3.3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Số lượng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) lớn, nhiều nội dung khó, phức tạp; trong khi đó, nhận thức pháp luật của một số cán bộ, công chức về quản lý XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật còn hạn chế, cán bộ đầu mối phụ trách, tham mưu của một các đơn vị là kiêm nhiệm, do đó ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ công việc đặc biệt là cán bộ, công chức ở cấp xã; ý thức chấp hành pháp luật của một số bộ phận cá nhân, tổ chức còn hạn chế, thường xuyên lợi dụng kẽ hở của pháp luật để thực hiện hành vi vi phạm.

Kinh phí phục vụ cho công tác quản lý XLVPHC cũng như phương tiện, thiết bị nghiệp vụ phục vụ trong công tác XPVPHC chưa được đảm bảo, do đó, công tác quản lý nhà nước và XLVPHC triển khai chưa đồng bộ, hiệu quả, kịp thời để đáp ứng nhiệm vụ được giao và nhu cầu thực tế trong công tác thi hành pháp luật về XLVPHC của các ngành, lĩnh vực.

3.3.2. Nguyên nhân khách quan

- Công tác phối hợp giữa các ngành chưa thật sự đồng bộ. Lực lượng làm công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm.

- Các quy định về chế độ liên quan đến cán bộ làm công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính chưa rõ ràng.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân chưa có nhiều hình thức phong phú, hiệu quả chưa cao.

- Lãnh đạo một số Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố chưa thực sự quan tâm chỉ đạo công tác thi hành pháp luật xử lý vi pạm hành chính.

- Các quy định về kinh phí chưa được quy định chưa cụ thể gây khó khăn cho việc dự trù, quyết toán kinh phí.

- Đời sống của người dân tại khu vực biên giới còn nhiều khó khăn. Nhất là người dân là đồng bào dân tộc có trình độ dân trí thấp, ít hiểu biết pháp luật, điều kiện kinh tế khó khăn; đặc biệt là ở vùng sâu vùng, vùng xa, điều kiện giao thông khó khăn, địa bàn rộng, phong tục tập quán lạc hậu.

- Lĩnh vực XLVPHC rất rộng, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, dẫn đến việc khó kiểm soát hết các hành vi vi phạm được quy định trong các Nghị định XPVPHC chuyên ngành, dẫn đến nhiều sự trùng lặp trong hành vi cũng như thẩm quyền xử phạt của các lực lượng có thẩm quyền.

3.4. Đề xuất, kiến nghị

3.4.1 Quốc Hội

- Sửa đổ, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 theo hướng:

+ Tăng thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với chức danh Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và Cục trưởng Cục Hải quan cho phù hợp với thực tế.

+ Tăng thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính "phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này" và thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với chức danh Giám đốc Công an tỉnh cho phù hợp thực tế.

- Cần có quy định, hướng dẫn cụ thể cách thức xử lý vi phạm hành chính đối với trường hợp không thực hiện theo quyết định XPVPHC, cũng như quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, hiện tại áp dụng theo quy định chung của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 110 thì không đảm bảo yếu tố khẩn cấp theo quyết định khẩn cấp của Tòa án. Đồng thời, có văn bản hướng dẫn biên lai thu tiền, xử lý tiền thu được từ việc xử phạt vi phạm hành chính để thống nhất thực hiện đúng quy định.

3.4.2 Bộ Tư pháp

- Sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Có văn bản hướng dẫn thống nhất việc thực hiện chế độ báo cáo (về thời điểm chốt số liệu và thời gian gửi báo cáo) trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BTP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP và Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ để các địa phương có cơ sở thực hiện thống nhất.

3.4.3 Các Bộ ngành có liên quan

- Bộ, ngành, Trung ương xem xét, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và khả thi thuận lợi trong quá trình áp dụng vào thực tế các văn bản quy phạm pháp luật.

- Hướng dẫn cụ thể về biểu mẫu lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính nhất là các đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục, cai nghiện bắt buộc, tạo thuận lợi cho địa phương thực hiện thống nhất và đúng quy định.

3.4.4 Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn một số nội dung sau:

- Tiêu chí quy định thẩm quyền xác định hồ sơ phức tạp.

- Tiêu chí xác định hồ sơ phức tạp.

- Nội dung mức chi về báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất không quy định rõ đối tượng áp dụng và cũng không nêu rõ các báo cáo này do cơ quan nào thực hiện. Như vậy thì được hiểu và áp dụng như thế nào?

Một là: chỉ áp dụng cho các Bộ, ngành ở Trung ương.

Hai là: được áp dụng cho cả Bộ ngành ở Trung ương và địa phương.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

5

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

Phụ lục số 01 - Mẫu số 2

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: ..250...../BC-UBND ngày ..18..../...7.../2019 của UBND tỉnh Tây Ninh

STT	Biện pháp xử lý hành chính	Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị		Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính		Tổng số đối tượng là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình		Tình hình tổ chức thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính				
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Giáo dục tại xã, phường, thị trấn	228	4	228	4	4	0	181	0	0	0	0
2	Đưa vào trường giáo dưỡng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc	5	0	5	0	0	0	5	0	0	0	0
4	Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc	295	5	295	5	0	0	273	0	0	0	0
	Tổng cộng	**528**	**9**	**528**	**9**	**4**	**0**	**459**	**0**	**0**	**0**	**0**